

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030; Báo cáo thẩm tra số .../BCTT-KTNS ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực: nuôi trồng thủy sản trên biển, nuôi trồng thủy sản nước lợ, nuôi trồng thủy sản nước ngọt trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia chuyển đổi từ phương thức nuôi trồng thủy sản truyền thống sang ứng dụng công nghệ cao; chuyển đổi nghề khai thác thủy sản sang nuôi trồng thủy sản; đầu tư nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

2. Không trùng lặp chính sách.

3. Ưu tiên dự án quy mô lớn, liên kết chuỗi; dự án chuyển đổi nghề khai thác thủy sản sang nuôi trồng thủy sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được giải thích như sau:

1. Lồng nuôi thủy sản HDPE là mô hình lồng bè được chế tạo từ nhựa High-Density Polyethylene (HDPE), một loại polymer nhiệt dẻo có mật độ cao với độ bền cơ học vượt trội. Đây được xem là giải pháp công nghệ hiện đại thay thế cho các loại lồng gỗ hay tre truyền thống nhằm hướng tới nuôi thủy sản bền vững.

2. Công nghệ Biofloc (BFT) là một quy trình sinh học dựa trên nguyên lý xử lý chất thải hữu cơ thông qua sự phát triển của các khối vi sinh vật (gọi là hạt floc), công nghệ này giúp kiểm soát chất lượng nước bằng cách chuyển hóa các hợp chất nitơ độc hại thành sinh khối vi khuẩn có giá trị dinh dưỡng cao làm thức ăn bổ sung cho tôm.

3. pH (Potential of Hydrogen) là chỉ số đo nồng độ ion H⁺ trong nước, ảnh hưởng toàn diện đến sức khỏe, tốc độ phát triển và tỉ lệ sống của vật nuôi thông qua các tác động trực tiếp lên cơ thể và gián tiếp qua môi trường nước.

4. DO (Dissolved Oxygen) là lượng oxy hòa tan trong nước, cần thiết cho sự hô hấp trao đổi chất và sức khỏe của thủy sản nuôi và đánh giá chất lượng nước.

Điều 4. Nội dung hỗ trợ

1. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản trên biển

a) Hỗ trợ lồng HDPE công nghệ cao

- Hỗ trợ 40% chi phí đầu tư lồng HDPE. Tối đa 300 triệu đồng/lồng.

- Quy mô hỗ trợ: Tối đa 75.000 triệu đồng/05 năm.

b) Hỗ trợ bảo hiểm tai nạn lao động, thiên tai, dịch bệnh

- Hỗ trợ 40% phí bảo hiểm thiên tai, dịch bệnh. Phí bình quân: 2 – 3% giá trị tài sản/năm.

- Quy mô hỗ trợ: Tối đa 15.000 triệu đồng/5 năm.

c) Hỗ trợ công nghệ trong quản lý nuôi trồng thủy sản trên biển

- Mức hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ Internet vạn vật (IoT) nhưng tối đa 500 triệu đồng/dự án.

- Quy mô hỗ trợ: Tối đa 30.000 triệu đồng/05 năm.

2. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước lợ

a) Hỗ trợ công nghệ nuôi ít phát thải

- Bao gồm: công nghệ Biofloc; công nghệ tuần hoàn nước; công nghệ xử lý bùn đáy;...

- Mức hỗ trợ: 40% chi phí thiết bị xử lý môi trường. Tối đa: 300 triệu đồng/dự án.

- Quy mô hỗ trợ: Tối đa 7.500 triệu đồng/05 năm.

b) Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và tương đương

- Mức hỗ trợ: 100% chi phí chứng nhận. Tối đa: 100 triệu đồng/dự án.

- Quy mô hỗ trợ: Tối đa 6.000 triệu đồng/05 năm.

3. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước ngọt

a) Hỗ trợ ứng dụng hệ thống công nghệ giám sát, quan trắc môi trường và quản lý nuôi thủy sản lồng bè trên hồ chứa

- Bao gồm: Hệ thống quan trắc, cảnh báo (DO, pH, nhiệt độ, tốc độ dòng chảy); camera giám sát; phần mềm quản lý dữ liệu;...

- Mức hỗ trợ: 40% chi phí đầu tư. Tối đa 60 triệu đồng/hệ thống.

- Quy mô hỗ trợ: Tối đa 12.000 triệu đồng/05 năm.

b) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ nuôi thủy sản đặc sản (cá Tầm, cá Chình, tôm Càng xanh, cá Lăng nha, cá Chép giòn)

- Bao gồm: Hệ thống công nghệ cung cấp oxy; thiết bị điều tiết nhiệt độ nước; máy cho ăn thông minh;... tích hợp công nghệ AI.

- Mức hỗ trợ: 40% chi phí đầu tư công nghệ. Tối đa 450 triệu đồng/dự án.

- Quy mô hỗ trợ: Tối đa 4.500 triệu đồng/05 năm.

Điều 5. Điều kiện, phương thức hỗ trợ

1. Các tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có Phương án sản xuất được cơ quan chuyên môn thẩm định, xác nhận đáp ứng tiêu chuẩn, tiêu chí ứng dụng công nghệ cao theo quy định hiện hành.

b) Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản.

c) Thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Có hóa đơn, chứng từ liên quan nội dung hỗ trợ.

đ) Có khả năng bố trí vốn đối ứng để thực hiện dự án.

e) Đáp ứng đủ điều kiện cụ thể theo từng nội dung hỗ trợ tại Điều 3 của Nghị quyết này:

- Tại điểm a khoản 1: Tổng thể tích nuôi tối thiểu 1.000 m³.

- Tại điểm a khoản 2: Tổng diện tích mặt nước nuôi tối thiểu 0,5 ha.

- Tại điểm b khoản 2: Tổng diện tích mặt nước nuôi tối thiểu 01 ha.

- Tại điểm a khoản 3: Tổng thể tích nuôi tối thiểu 1.500 m³.

- Tại điểm b khoản 3: Áp dụng quy trình nuôi thâm canh/bán thâm canh hoặc quy trình thực hành nuôi tốt (VietGAP hoặc tương đương).

2. Phương thức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước giải ngân kinh phí hỗ trợ một lần sau khi cơ sở nuôi hoàn thành việc đầu tư, lắp đặt hệ thống thiết bị theo hồ sơ thiết kế được duyệt; vận hành thử nghiệm thành công và được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu thực tế, xác nhận đạt các tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật quy định tại Nghị quyết này.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách tỉnh, vốn đối ứng và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm đến ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa, kỳ họp thứ, thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài Chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT (01), CTHĐ (4).

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung